|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/20…/NĐ-CP**DỰ THẢO**  | *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**NGHỊ ĐỊNH**

VỀ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA

 Luật Hợp tác xã (sửa đổi)

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã (sửa đổi) ngày …. tháng….năm 202..*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.*

# Chương I

## NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết thi hành các Điều …. Luật Hợp tác xã số …./20…/QH15 ngày ….tháng….năm….

Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã (bao gồm cả quỹ tín dụng nhân dân, quỹ hỗ trợ hoạt động theo mô hình hợp tác xã, các tổ chức kinh tế hoạt động theo mô hình hợp tác xã), liên hiệp hợp tác xã

2. Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Giao dịch nội bộ và cách tính giá trị giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cung ứng vật tư, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sản xuất vật tư đầu vào và bán cho thành viên chính thức; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mua từ đơn vị sản xuất khác rồi bán lại cho thành viên chính thức.

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị vật tư cung cấp cho thành viên chính thức.

2. Cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất của thành viên

a) Dich vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp (làm đất, gieo sạ,…), dịch vụ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê bên ngoài cung cấp cho thành viên chính thức và hưởng một phần hoa hồng nếu có).

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị dịch vụ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp cho thành viên chính thức (trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đi thuê thì bằng tổng giá trị dịch vụ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức cung cấp cho thành viên chính thức và tiền hoa hồng).

3. Thu mua sản phẩm

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trực tiếp mua sản phẩm của thành viên chính thức rồi bán lại ra thị trường hoặc sơ chế, chế biến rồi bán ra thị trường.

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị mua sản phẩm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với thành viên chính thức.

4. Trung gian tiêu thụ sản phẩm cho thành viên

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ làm trung gian để tiêu thụ sản phẩm cho thành viên chính thức. Hợp đồng được ký kết trực tiếp giữa bên mua và bên bán sản phẩm. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được bên mua trả một phần phí cho dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm.

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị sản phẩm bán của thành viên chính thức mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã làm trung gian tiêu thụ.

5. Dịch vụ vận chuyển, sơ chế, chế biến phục vụ thành viên chính thức

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp các dịch vụ phục vụ thành viên chính thức trong các khâu vận chuyển, bảo quản, sơ chế, chế biến. Ví dụ, hợp tác xã cung cấp dịch vụ kho chứa thóc, dịch vụ giết mổ gia súc, gia cầm.

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị dịch vụ mà hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp cho thành viên chính thức (phí mà thành viên phải trả cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã).

6. Sản xuất chung

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức sản xuất chung từ đất được giao; từ đất thuê; từ đất do thành viên góp vốn. hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đầu tư sản xuất và bán sản phẩm cho thành viên chính thức

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng tổng tiền lương, tiền công hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trả cho thành viên chính thức và tổng giá trị sản phẩm bán cho thành viên chính thức

 8. Hoạt động cho vay nội bộ

Đây không phải là mục đích chính của hợp tác xã nên giao dịch nội bộ chỉ được tính trên lợi nhuận hợp tác xã thu được từ cho thành viên chính thức vay

9. Dịch vụ phi nông nghiệp khác

a) Các dịch vụ quản lý chợ, cung cấp nước sạch, điện,..

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng tổng phí mà thành viên trả cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

10. Tạo việc làm

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạo việc làm cho thành viên chính thức

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị tiền lương, tiền công hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trả cho thành viên chính thức

11. Cung cấp sản phẩm tiêu dùng (hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiêu dùng)

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cung cấp sản phẩm tiêu dùng

b) Giá trị giao dịch nội bộ được tính bằng giá trị sản phẩm bán cho thành viên chính thức

### Phân loại hợp tác xã

Hợp tác xã được phân theo quy mô siêu nhỏ, nhỏ, vừa và lớn.

1. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 30 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm dưới 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 01 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 100 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 15 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 5 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 500 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ 500 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xãvà tổng doanh thu của năm từ 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ, vừa theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.

2. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp – xây dựng được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 50 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm dưới 5 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 02 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 200 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 20 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 10 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 500 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm dưới 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn dưới 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ hơn 500 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm từ 150 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ 50 tỷ đồng trở lên.

3. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực thương mại-dịch vụ (gồm cả giao thông vận tải) được phân loại:

a) Hợp tác xã siêu nhỏ có không quá 100 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 3 tỷ đồng.

b) Hợp tác xã nhỏ có không quá 300 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 30 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 10 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này.

c) Hợp tác xã vừa có không quá 500 thành viên chính thức được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là hợp tác xã siêu nhỏ, nhỏ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này.

d) Hợp tác xã lớn có từ hơn 500 thành viên chính thức trở lên được ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và tổng doanh thu của năm từ hơn 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn từ hơn 50 tỷ đồng trở lên.

4. Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng được phân loại theo quy định của pháp luật về các tổ chức tài chính, tín dụng.

# Chương II

## CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂNCÁC TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

### Tiêu chí thụ hưởng chính sách của Nhà nước

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được nhận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi đáp ứng các tiêu chí sau:

1. Có báo cáo tài chính được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập trong vòng 12 tháng từ thời điểm đề xuất hỗ trợ đối với nội dung chính sách có nguồn kinh phí từ ngân sách Nhà nước từ 03 tỷ đồng trở lên cho một tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:

- Có tỷ lệ tăng trưởng số lượng thành viên hàng năm liên tục trong 3 năm trên 5% tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Có tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hàng năm tăng liên tục trong 3 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Có tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia hoặc phát triển tài sản chung không chia hàng năm đạt từ 10% trở lên liên tục trong 3 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

- Tổ chức giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng cho ít nhất 10% tổng số thành viên chính thức hàng năm liên tục trong 03 năm tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ.

### Chính sách phát triển nguồn nhân lực

1. Đối tượng hỗ trợ:

Cán bộ, thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác ở trung ương và địa phương; Cán bộ Liên minh hợp tác xã các cấp, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội; Cán bộ, giảng viên về kinh tế hợp tác trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Được tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/đơn vị chủ quản cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu đơn vị; đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; có năng lực và trình độ phù hợp với khóa học.

Đối với trường hợp cử đi đào tạo dài hạn: Ngoài việc đáp ứng các điều kiện trên, đối tượng được hỗ trợ phải dưới 50 tuổi và cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực kinh tế hợp tác ít nhất gấp đôi thời gian tham gia khóa đào tạo, chịu trách nhiệm bồi hoàn kinh phí đào tạo đối với nhà nước trong trường hợp không thực hiện cam kết.

3. Nội dung hỗ trợ

a) Đào tạo:

Đối với cán bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã*:* học phí theo mức quy định của cơ sở đào tạo; kinh phí mua giáo trình của khóa học; chi phí ăn, ở.

Đối với công chức, cán bộ Liên minh hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng đào tạo, nghiên cứu dài hạn trong nước và tại nước ngoài về hợp tác xã và các chuyên ngành hỗ trợ trực tiếp cho công tác quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác. Học bổng bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến về kinh tế hợp tác: Xây dựng khung, nội dung chương trình đào tạo trực tuyến; triển khai thực hiện đào tạo trực tuyến về kinh tế hợp tác; xây dựng, vận hành và duy trì trang thông tin điện tử về đào tạo trực tuyến.

b) Bồi dưỡng:

Đối với cán bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: chi phí đi lại từ trụ sở đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); kinh phí xây dựng và mua tài liệu của chương trình khóa học; các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát; chi phí ăn, ở theo định mức được áp dụng tương tự như đối với công chức nhà nước.

Đối với công chức, cán bộ Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên: Cấp học bổng bồi dưỡng ngắn hạn ở nước ngoài (bao gồm: toàn bộ kinh phí đi lại, tài liệu, giáo trình, học phí, bảo hiểm, chi phí ăn ở và sinh hoạt theo quy định của chế độ tài chính hiện hành) và tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn ngắn hạn trong nước cho cán bộ quản lý về kinh tế hợp tác.

Hỗ trợ đưa cán bộ trẻ về làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: hỗ trợ lương cho các cán bộ, người tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ

a) Đào tạo:

Đối với cán bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ngân sách địa phương đảm bảo 100% kinh phí cho việc trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đạo tạo; hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng.

Đối với cán bộ Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, công chức, giảng viên: Ngân sách trung ương bảo đảm 100% kinh phí.

b) Bồi dưỡng:

Đối với cán bộ, thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ngân sách Nhà nước: đảm bảo 100% kinh phí đi lại, tổ chức lớp học và mua tài liệu học tập; hỗ trợ 100% chi phí ăn ở đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãnằm trong vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật hiện hành (bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu thuộc diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội, các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo); Đối với các vùng khác, hỗ trợ 90% đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãhoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; 80% đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãkhác.

Đối với cán bộ Liên minh Hợp tác xã, các hiệp hội, đoàn thể, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, công chức, giảng viên: Ngân sách Nhà nước bảo đảm 100% kinh phí.

Đối với cán bộ trẻ về làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Ngân sách địa phương hỗ trợ cán bộ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, tối đa 03 năm/cán bộ, tối đa 02 cán bộ/ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã/năm.

### Chính sách hỗ trợ thông tin

1. Giải thích từ ngữ

a. Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Cổng thông tin): Là điểm truy cập trên môi trường mạng có thông tin về hỗ trợ các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua việc tích hợp thông tin về mạng lưới tư vấn viên; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, hoạt động hỗ trợ; chỉ dẫn kinh doanh, tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ và các thông tin khác nhằm cung cấp thông tin, dịch vụ phục vụ cho hoạt động của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, nhiệm vụ quản lý nhà nước về hỗ trợ, phát triển và theo nhu cầu của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

b. Cơ sở dữ liệu hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã: Là tập hợp tài liệu, tri thức, kinh nghiệm, thông tin về các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Cơ sở dữ liệu đồng thời là một nền tảng thông tin thống nhất đáp ứng nhu cầu về tiếp cận, khai thác thông tin, dữ liệu, xây dựng chiến lược, hoạch định chính sách và quản lý nhà nước về hỗ trợ kinh tế tập thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành. Cơ sở dữ liệu hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có sự kết nối, tích hợp, liên thông và trao đổi dữ liệu với các hệ thống có liên quan của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Các thông tin sau đây được công bố trên Cổng thông tin, trang thông tin điện tử của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

a) Thông tin về kế hoạch, chương trình, dự án, hoạt động hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thông tin chỉ dẫn kinh doanh; thông tin về tín dụng, thị trường, sản phẩm, công nghệ;

c) Các thông tin khác theo nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nội dung hỗ trợ thông tin

a. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãđược miễn phí truy cập các thông tin về chính sách hỗ trợ trên Cổng thông tin quốc gia và trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được cấp tài khoản trên Cổng thông tin để cung cấp các thông tin trên Cổng thông tin quốc gia về kinh tế hợp tác; công khai, theo dõi và cập nhật thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Cơ quan, tổ chức hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có nhu cầu cung cấp thông tin, tương tác và kết nối với các đối tác tham gia trên Cổng thông tin có thể đề nghị cấp tài khoản. Tài khoản sử dụng trên Cổng thông tin được quản lý tập trung trên Cổng thông tin.

c. Cổng thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, duy trì, vận hành và kết nối với trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nhằm cung cấp thông tin hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãvà các thông tin khác cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tra cứu.

d. Kinh phí xây dựng cơ sở hạ tầng thông tin, phần mềm cho hoạt động của Cổng thông tin, cơ sở dữ liệu hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãđược bố trí từ nguồn vốn đầu tư công theo quy định của pháp luật về đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có).

Kinh phí nâng cấp, duy trì, quản lý, vận hành Cổng thông tin và thu thập, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãđược bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

### Chính sách hỗ trợ tư vấn

1. Mạng lưới tư vấn viên: Là tập hợp các tổ chức tư vấn và cá nhân tư vấn, có chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác nhau đáp ứng nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, được các bộ, cơ quan ngang bộ có thẩm quyền công nhận trên cơ sở các tiêu chí được ban hành và được công bố công khai để hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Mạng lưới tư vấn viên

a) Mạng lưới tư vấn viên được xây dựng trên cơ sở cá nhân, tổ chức tư vấn đã và đang hoạt động theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc hình thành mới, đảm bảo nguyên tắc:

Đối với cá nhân tư vấn phải đảm bảo về trình độ đào tạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãvà tiêu chí về tư vấn viên của bộ, cơ quan ngang bộ nơi cá nhân tư vấn dự kiến đăng ký.

Đối với tổ chức tư vấn phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành, phù hợp với nhu cầu của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãvà tiêu chí về tổ chức tư vấn của bộ, cơ quan ngang bộ nơi tổ chức tư vấn dự kiến đăng ký.

b) Hồ sơ đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên

Đối với cá nhân tư vấn, hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; Sơ yếu lý lịch và hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực văn bằng đào tạo; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Đối với tổ chức tư vấn, hồ sơ bao gồm: Đơn đăng ký tham gia mạng lưới tư vấn viên; bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định thành lập; hồ sơ tóm tắt năng lực; bản sao có chứng thực hồ sơ của các cá nhân tư vấn thuộc tổ chức; bản sao có chứng thực các văn bản, giấy tờ chứng minh đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật (đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện).

c) Cá nhân, tổ chức tư vấn nộp hồ sơ quy định tại điểm b khoản này thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới đơn vị được giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ để được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và được công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Trường hợp cá nhân, tổ chức tư vấn chưa đủ điều kiện để được công nhận, đơn vị được giao đầu mối tổ chức hoạt động mạng lưới tư vấn viên thuộc bộ, cơ quan ngang bộ gửi thông báo lý do chưa đủ điều kiện thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới cá nhân, tổ chức tư vấn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký.

Cá nhân, tổ chức tư vấn được tham gia mạng lưới tư vấn viên của nhiều bộ, cơ quan ngang bộ nếu đáp ứng điều kiện, tiêu chí theo quy định.

d) Sau khi được công nhận vào mạng lưới tư vấn viên và được công bố trên trang thông tin điện tử của bộ, cơ quan ngang bộ, tư vấn viên truy cập vào Cổng thông tin để đăng ký vào cơ sở dữ liệu mạng lưới tư vấn viên và thực hiện tư vấn cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãtheo quy định tại Nghị định này.

đ) Kinh phí để bộ, cơ quan ngang bộ hình thành, vận hành, quản lý, duy trì hoạt động của mạng lưới tư vấn viên và kinh phí bồi dưỡng, đào tạo phát triển mạng lưới tư vấn viên được tổng hợp trong kinh phí hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãhằng năm của bộ, cơ quan ngang bộ và nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có).

3. Nội dung hỗ trợ tư vấn

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãtiếp cận mạng lưới tư vấn viên để được hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn về nhân sự, tài chính, sản xuất, bán hàng, thị trường, quản trị nội bộ và các nội dung khác liên quan tới hoạt động sản xuất - kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã(không bao gồm tư vấn về thủ tục hành chính, pháp lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành) như sau:

a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã hoặc không quá 70 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã siêu nhỏ do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã siêu nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ;

b) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã nhỏ hoặc

 không quá 150 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã nhỏ do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã nhỏ sử dụng nhiều lao động nữ;

c) Hỗ trợ tối đa 30% giá trị hợp đồng tư vấn nhưng không quá 150 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã vừa hoặc không quá 200 triệu đồng/năm/hợp tác xã đối với hợp tác xã vừa do phụ nữ làm chủ, hợp tác xã vừa sử dụng nhiều lao động nữ.

### Chính sách tiếp cận mặt bằng sản xuất, kinh doanh

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp có nhu cầu thuê ổn định để phát triển dịch vụ, xây dựng cơ sở tập kết, sơ chế, chế biến, phân loại, bảo quản sản phẩm nông nghiệp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được nhà nước giao hoặc cho thuê đất từ quỹ đất công phục vụ phát triển kinh tế nông thôn.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất xây dựng hạ tầng (kho tàng, nhà xưởng, cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, lưu trữ sản phẩm,…) theo yêu cầu hoạt động sản xuất, chế biến, dịch vụ, kinh doanh của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia cung cấp dịch vụ công ích được nhà nước hỗ trợ giải phóng mặt bằng và miễn tiền thuê đất theo quy định của pháp luật để làm trụ sở Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Nhà nước đảm bảo kinh phí giải phóng mặt bằng xây dựng, nâng cấp hạ tầng công trình công ích.

5. Ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập một lần tối thiểu 200 triệu đồng để trả tiền thuê nhà, đất làm trụ sở; mua sắm thiết bị văn phòng, trả lương cán bộ và chi phí cần thiết ban đầu.

### Chính sách thuế, phí và lệ phí

1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với hoạt động thu mua, sơ chế sản phẩm nông nghiệp, hợp tác xã môi trường.

2. Giảm 50% mức thuế thu nhập doanh nghiệp với giao dịch nội bộ là hoạt động chế biến sản phẩm, mua, bán sản phẩm, dịch vụ.

3. Quỹ tín dụng nhân dân được hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp mức thấp hơn so với ngân hàng thương mại.

### Chính sách tiếp cận vốn, bảo hiểm

 1. Lãi suất cho vay ưu đãi của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã không cao hơn so với lãi suất cho vay được công bố của ngân hàng phát triển VID.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 50% phí bảo hiểm của các tổ chức bảo hiểm đối với các tài sản chung và sản phẩm nông nghiệp của tập thể tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc của tập thể tổ, đội, nhóm sản xuất trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong 3 năm kể từ khi thành lập hoặc đăng ký lại.

3. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 80 % phí mua bảo hiểm của các tổ chức bảo hiểm đối với các tài sản chung phục vụ cung cấp dịch vụ công ích.

### Chính sách ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn giải pháp chuyển đổi số cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

2. Hỗ trợ tối đa 50% chi phí cho cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số để tự động hóa, nâng cao hiệu quả quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ trong cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

3. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ; tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn chuyển giao công nghệ phù hợp với cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Chính sách tiếp thị và nghiên cứu thị trường

1. Đối tượng hỗ trợ: Các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãhoạt động trên tất cả các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

2. Điều kiện hỗ trợ: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãcó sản phẩm gắn với chuỗi giá trị, thực hành sản xuất xanh.

3. Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí tham gia các hội chợ, triển lãm, diễn đàn trong và ngoài nước; chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, truy xuất nguồn gốc; hỗ trợ chi phí thuê địa điểm và vận hành các điểm giới thiệu, bán sản phẩm tại các địa phương; Xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Nguồn kinh phí và mức hỗ trợ: Ngân sách địa phương hỗ trợ 100%: kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; Ngân sách trung ương hỗ trợ 100% kinh phí: tổ chức diễn đàn kinh tế hợp tác; hỗ trợ hợp tác xã trong việc xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa.

### Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị

1. Đối tượng hỗ trợ:Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (gọi chung là hợp tác xã)

2. Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh; Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

3. Nội dung hỗ trợ:

Xây dựng nhà kho, xưởng phân loại và đóng gói sản phẩm, xưởng sơ chế - chế biến và trang thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng thành viên;

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hoạt động dịch vụ môi trường nông thôn, phát triển chăn nuôi và chế biến tập trung được hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí theo dự án đầu tư xử lý chất thải rắn, nước thải được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ không quá 03 tỷ đồng/dự án.

4. Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, hợp tác xã và vốn hợp pháp khác.

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, chính quyền địa phương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án từ nguồn ngân sách địa phương, vốn đối ứng của hợp tác xã và vốn từ các nguồn hợp pháp khác.

Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án.

5. Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án/mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

6. Cơ chế quản lý sau đầu tư

Hỗ trợ của nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã, hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã đăng ký thành lập.

### Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro

1. Các chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định phải có báo cáo kiểm toán độc lập cho hợp tác xã quy mô siêu nhỏ, nhỏ thì kinh phí hỗ trợ của Nhà nước bao gồm kinh phí hỗ trợ kiểm toán không quá 20 triệu đồng/hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã đó được lựa chọn thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

2. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí cho tổ chức đại diện, hệ thống liên minh hợp tác xã Việt Nam trong việc thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn tài chính; tư vấn, hướng dẫn kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hỗ trợ tối đa 80% phí mua bảo hiểm nông nghiệp của các tổ chức bảo hiểm.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp được hỗ trợ kết cấu hạ tầng, trang thiết bị:

a) Điều kiện hỗ trợ: Hợp tác xã căn cứ nhu cầu cần hỗ trợ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng hoặc chế biến sản phẩm có đơn đề nghị gửi cấp chính quyền địa phương nơi hợp tác xã tổ chức sản xuất, kinh doanh; Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế quy định số lượng thành viên cụ thể, ưu tiên các hợp tác xã có số lượng thành viên lớn, sản xuất theo cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị; hợp tác xã hoạt động trên các địa bàn đặc biệt khó khăn.

b) Nội dung hỗ trợ:

Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông nội đồng trong lĩnh vực trồng trọt, lâm nghiệp, diêm nghiệp, bao gồm: Cống, trạm bơm, giếng, đường ống dẫn nước, đập dâng, kênh, bể chứa nước, công trình trên kênh và bờ bao các loại, hệ thống cấp nước đầu mối phục vụ tưới tiết kiệm; đường trục chính giao thông nội đồng, đường ranh cản lửa, đường lâm nghiệp;

Xây dựng công trình kết cấu hạ tầng vùng nuôi trồng thủy, hải sản bao gồm: hệ thống cấp thoát nước đầu mối (ao, bể chứa, cống, kênh, đường ống cấp, tiêu nước, trạm bơm), đê bao, kè, đường giao thông, công trình xử lý nước thải chung đối với vùng nuôi trồng thủy sản; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh rới khu vực nuôi, hệ thống neo lồng bè; nâng cấp và phát triển lồng bè nuôi trồng hải sản tập trung của hợp tác xã nông nghiệp trên biển.

c) Nguồn vốn và mức hỗ trợ:

Nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, hợp tác xã và vốn hợp pháp khác.

Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100%; căn cứ tổng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, chính quyền địa phương xem xét, quyết định mức hỗ trợ cho dự án từ nguồn ngân sách địa phương, vốn đối ứng của hợp tác xã và vốn từ các nguồn hợp pháp khác.

Đối với dự án có tính chất liên vùng, khu vực do các bộ, cơ quan trung ương quản lý: Ngân sách trung ương đầu tư tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án.

d) Phương thức hỗ trợ: Nhà nước hỗ trợ cho hợp tác xã thông qua cấp chính quyền địa phương xây dựng, mua sắm, bàn giao cho hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã có đủ năng lực, cấp có thẩm quyền xem xét giao cho hợp tác xã tự thực hiện dự án/mua sắm với tổng mức vốn dưới 03 tỷ đồng.

đ) Cơ chế quản lý sau đầu tư

Hỗ trợ của nhà nước là tài sản không chia của hợp tác xã, hợp tác xã tự trang trải chi phí cho vận hành, bảo dưỡng công trình sau khi công trình được đưa vào hoạt động; khi hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi hợp tác xã đã đăng ký thành lập.

3vốn, giống, công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp

a) Hỗ trợ vốn, giống khi gặp thiên tại, dịch bệnh.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

### Nguồn vốn, cơ chế và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ

1. Nguồn vốn hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định này bao gồm ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương; vốn lồng ghép từ các chương trình dự án và ngân sách địa phương. Ngân sách trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo nguyên tắc sau:

a) Đối với địa phương nhận cân đối từ ngân sách trung ương trên 50% ngân sách, được ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 80% kinh phí thực hiện;

b) Đối với địa phương nhận cân đối từ ngân sách trung ương dưới 50% ngân sách, được ngân sách trung ương hỗ trợ tối đa 60% kinh phí thực hiện;

c) Đối với địa phương có cân đối ngân sách về trung ương thì ngân sách địa phương tự cân đối thực hiện;

d) Tổng mức hỗ trợ bằng tiền không vượt quá 10 tỷ đồng/Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định nguồn kinh phí hỗ trợ Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua để thực hiện. Hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét sử dụng kết dư từ thu ngân sách hàng năm để mua hoặc thuê lại đất của các tổ chức, cá nhân, tạo quỹ đất công phục vụ phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn để hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xây dựng chương trình, kế hoạch để bố trí nguồn vốn của Trung ương hỗ trợ thực hiện trong trung hạn và hàng năm.

# Chương III

## ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

## Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG

### Cơ quan đăng ký kinh doanh

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện).

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có tài khoản và con dấu riêng.

### Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện

1. Trực tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp hoặc từ chối cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hướng dẫn hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký.

3. Phối hợp xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh; thực hiện việc chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. Cung cấp thông tin về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên phạm vi địa bàn cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục thuế địa phương, các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

5. Trực tiếp kiểm tra hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo nội dung trong hồ sơ đăng ký.

6. Yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo về việc tuân thủ các quy định tại Nghị định này khi cần thiết;

7. Yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện hộ kinh doanh không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

8. Yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật Hợp tác xã theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo.

9. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.

10. Đăng ký kinh doanh cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật.

### Quản lý nhà nước về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Trình cấp có thẩm quyền ban hành, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác, văn bản hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo phục vụ công tác đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác;

b) Hướng dẫn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh, tổ chức, cá nhân có yêu cầu; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật dữ liệu đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Đôn đốc, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đăng ký tổ hợp tác;

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý, báo cáo tài chính và các thông tin khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu giữ tại cơ sở dữ liệu của cơ quan đăng ký kinh doanh cho các cơ quan có liên quan của Chính phủ, tổ chức, cá nhân có yêu cầu;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển hệ thống về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng hệ thống về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc kết nối giữa hệ thống về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và Hệ thống thông tin thuế;

g) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Bộ Tài chính:

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc kết nối giữa hệ thống về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và Hệ thống thông tin thuế nhằm cung cấp mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, mã số địa điểm kinh doanh và trao đổi thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bố trí đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.

### Nguyên tắc áp dụng giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người thành lập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tự kê khai hồ sơ đăng ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin kê khai trong hồ sơ và các báo cáo.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đảm bảo đúng quyền hạn, nghĩa vụ của mình quy định tại Điều lệ.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký, không chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật của hợp tác xã, liên hiêp hợp tác xã xảy ra trước và sau khi đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Cơ quan đăng ký kinh doanh không giải quyết tranh chấp giữa các thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với nhau hoặc với tổ chức, cá nhân khác hoặc giữa hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với tổ chức, cá nhân khác.

5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không bắt buộc phải đóng dấu trong giấy đề nghị đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký, nghị quyết, quyết định, biên bản họp trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp không được ban hành quy định, văn bản về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã áp dụng riêng cho ngành hoặc địa phương mình. Những quy định về đăng ký doanh nghiệp do các bộ, cơ quan ngan bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này không có hiệu lực thi hành.

### Ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký có thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

a) Trường hợp ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục đăng ký, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân được ủy quyền. Văn bản ủy quyền này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

b) Trường hợp ủy quyền cho tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký, giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký và bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người được giới thiệu.

2. Trường hợp thực hiện thủ tục đăng ký qua dịch vụ bưu chính công ích thì khi thực hiện thủ tục đăng ký, nhân viên bưu chính phải nộp bản sao phiếu gửi hồ sơ theo mẫu do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phát hành có chữ ký xác nhận của nhân viên bưu chính và người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký.

### Ghi ngành, nghề kinh doanh

1. Khi đăng ký thành lập, thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người thành lập hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong hồ sơ đăng ký. Cơ quan đăng ký kinh doanh hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã vào cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Nội dung cụ thể của ngành kinh tế cấp bốn quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

3. Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào cơ sở dữ liệu quốc gia nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.

6. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu ghi ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là ngành, nghề kinh doanh chi tiết đã ghi.

7. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều này, trong đó, ngành, nghề kinh doanh chi tiết được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành.

8. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Việc quản lý nhà nước đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài và kiểm tra việc chấp hành điều kiện kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc thẩm quyền của cơ quan chuyên ngành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

### Mã sã uộc thẩm quyền của cơ quan tác xã, mã squyền của cơ quan chu

1. Mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp một mã số duy nhất gọi là mã số doanh nghiệp. Mã số này đồng thời là mã số thuế và mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tồn tại trong suốt quá trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và không được cấp lại cho tổ chức, cá nhân khác. Khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hoạt động thì mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chấm dứt hiệu lực.

3. Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tạo, gửi, nhận tự động bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Cơ quan quản lý nhà nước thống nhất sử dụng mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước và trao đổi thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

5. Mã số đơn vị phụ thuộc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp cho chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Mã số này đồng thời là mã số thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện.

6. Mã số địa điểm kinh doanh là mã số gồm 5 chữ số được cấp theo số thứ tự từ 00001 đến 99999. Mã số này không phải là mã số thuế của địa điểm kinh doanh.

7. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do vi phạm pháp luật về thuế thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện không được sử dụng mã số thuế trong các giao dịch kinh tế kể từ ngày Cơ quan thuế thông báo công khai về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

### Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được đăng ký tên trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khác đã đăng ký trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh trên phạm vi toàn quốc, trừ những hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố phá sản.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan đăng ký kinh doanh là quyết định cuối cùng. Trường hợp không đồng ý với quyết định của Phòng Đăng ký kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể khởi kiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tên trùng và tên gây nhầm lẫn tự thương lượng với nhau để đăng ký đổi tên.

4. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hành.5. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được sử dụng tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân đã được bảo hộ để cấu thành tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp được sự chấp thuận của chủ sở hữu tên thương mại, nhãn hiệu đó. Căn cứ để xác định tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

### Tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt

1. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể giữ nguyên tiếng Việt hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

2. Trường hợp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phát hành.

3. Tên viết tắt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được viết tắt từ tên bằng tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

Tên viết tắt bằng tiếng Việt trên bảng hiệu, các hình thức quảng cáo, giấy tờ giao dịch của hợp tác xã phải có ký hiệu “hợp tác xã”, liên hiệp hợp tác xã phải có ký hiệu “LHhợp tác xã”.

### Tên chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh

1. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

2. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện, cụm từ “Địa điểm kinh doanh” đối với địa điểm kinh doanh. Phần tên riêng trong tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được sử dụng cụm từ “hợp tác xã”, “liên hiệp hợp tác xã”.

Ngoài tên bằng tiếng Việt, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể đăng ký tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Tên bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Tên viết tắt được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

3. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành.

### Tên trùng và tên gây nhầm lẫn

1. Tên trùng là tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký, trừ những, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã giải thể hoặc đã có quyết định có hiệu lực của Tòa án tuyên bố tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị phá sản.

2. Các trường hợp được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký bao gồm:

a) Tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký được đọc giống tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

b) Tên viết tắt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãđã đăng ký;

c) Tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

d) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, một số thứ tự hoặc một chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, chữ F, J, Z, W được viết liền hoặc cách ngay sau tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đó;

đ) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng loại đã đăng ký bởi một ký hiệu “&” hoặc “và”, “.”, “,”, “+”, “-”, “\_”;

e) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc từ “mới” được viết liền hoặc cách ngay sau hoặc trước tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký;

g) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cùng loại đã đăng ký bởi một cụm từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông”;

h) Tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trùng với tên riêng của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký.

### Quản lý và sử dụng con dấu

1. Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã (sửa đổi) có hiệu lực thi hành có thể tiếp tục sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không tiếp tục sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp thì phải nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu. Cơ quan công an cấp giấy biên nhận đã nhận lại con dấu tại thời điểm tiếp nhận lại con dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã (sửa đổi) có hiệu lực thi hành bị mất con dấu, mất Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được làm con dấu theo quy định Luật Hợp tác xã (sửa đổi); đồng thời thông báo việc mất con dấu, mất Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu.

# Mục 2. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

### Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Điều 41 Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

### Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất

1. Trường hợp chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 41 Luật Hợp tác xã (sửa đổi), hồ sơ đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới phải kèm theo bản sao biên bản họp và nghị quyếtcủa Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 90Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

2. Trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 41 Luật Hợp tác xã (sửa đổi), hồ sơ đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách phải kèm theo bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 91 Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

3. Trường hợp hợp nhất một số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành một hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới, ngoài giấy tờ quy định tại Điều 41 Luật Hợp tác xã (sửa đổi), hồ sơ đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất phải có các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng hợp nhất theo quy định tại Điều 92 Luật Hợp tác xã (sửa đổi);

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết, quyết định của Đại hội thành viên về việc thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh

1. Hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện do người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ký;

b) Bản sao biên bản họp và quyết định của Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với mô hình quản trị rút gọn) về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Thông báo lập địa điểm kinh doanh

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể lập địa điểm kinh doanh tại địa chỉ khác nơi đặt trụ sở chính hoặc đặt chi nhánh. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định lập địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo lập địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh. Thông báo lập địa điểm kinh doanh do người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc do người đứng đầu chi nhánh ký trong trường hợp địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật thông tin về địa điểm kinh doanh trong cơ sở dữ liệu. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong cơ sở dữ liệu trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

### Tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này nộp hồ sơ tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký được tiếp nhận để nhập thông tin vào hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ giấy tờ theo quy định tại Nghị định này;

b) Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được điền vào Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy đề nghị đăng ký thay đổi, Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Có địa chỉ liên lạc, điện thoại của người nộp hồ sơ đăng ký;

d) Đã nộp đủ phí, lệ phí đăng ký theo quy định.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

4. Sau khi trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhập đầy đủ, chính xác thông tin trong hồ sơ đăng ký, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và tải các văn bản đã được số hóa trong hồ sơ đăng ký vào hệ thống thông tin điện tử.

5. Người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể dừng thực hiện thủ tục đăng ký khi hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được chấp thuận trên hệ thống. Trong trường hợp này, người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể trực tiếp gửi văn bản đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đã nộp hồ sơ hoặc qua mạng thông tin điện tử. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét, ra thông báo dừng thực hiện thủ tục đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên hệ thống trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp từ chối dừng thực hiện thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo bằng văn bản cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nêu rõ lý do từ chối.

### Thời hạn cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp trong một Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cấp đăng ký hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thì người thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp đăng ký khi có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

2. Các thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có giá trị pháp lý kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh sau ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quyền hoạt động kinh doanh kể từ ngày đăng ký.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền yêu cầu Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và phải nộp phí theo quy định.

### Công bố nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Việc đề nghị công bố nội dung đăng ký được thực hiện tại thời điểm hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ đăng ký.

2. Các nội dung công bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

3. Thông tin công bố nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

### Cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Thông tin được cung cấp công khai, miễn phí tại trang điện tử [dangkykinhdoanh.gov.vn](http://dangkykinhdoanh.gov.vn) bao gồm: tên; mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; họ và tên người đại diện theo pháp luật; tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Việc đề nghị cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hợp tác xã (sửa đổi) thực hiện thông qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc tại Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh hoặc Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu giữ trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cung cấp thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trụ sở chính đặt tại địa bàn huyện.

3. Định kỳ hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách kèm thông tin về các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký trong tháng trước đó đến cơ quan quản lý chuyên ngành cùng cấp, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

### Phí, lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Người nộp hồ sơ nộp phí, lệ phí đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Phí, lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể được nộp trực tiếp tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký không được hoàn trả cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký.

2. Phương thức thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử được hỗ trợ trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Phí sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử không được tính trong phí, lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, phí cung cấp thông tin đăng ký và phí công bố nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Khi phát sinh lỗi giao dịch trong quá trình sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, tổ chức, cá nhân thanh toán phí, lệ phí qua mạng điện tử liên hệ với tổ chức trung gian cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử để được giải quyết.

4. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và việc sử dụng phí, lệ phí đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, phí cung cấp thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và phí công bố nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đảm bảo bù đắp một phần chi phí cho hoạt động của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

# Mục 3. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

### Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi đặt trụ sở chính dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trường hợp chuyển địa chỉ trụ sở chính, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cơ quan đăng ký kinh doanh cáp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

4. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Đăng ký đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đổi tên, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật của ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc đổi tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nếu tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký thay đổi không trái với quy định về đặt tên tại Điều 35 Luật Hợp tác xã (sửa đổi).

3. Việc thay đổi tên không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi người đại diện theo pháp luật do Chủ tịch Đại hội thành viên ký;

b) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện theo pháp luật mới;

c) Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên; nghị quyết, quyết định về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Đăng ký thay đổi vốn điều lệ

1. Trường hợp thay đổi vốn điều lệ từ 5% vốn điều lệ hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi vốn điều lệ;

c) Văn bản của Sở Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Đầu tư.

2. Trường hợp giảm vốn điều lệ, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải cam kết bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi giảm vốn.

3. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh

1. Trường hợp thay đổi ngành, nghề kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi Thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh.

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cập nhật thông tin về ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thay đổi nội dung đăng ký thuế mà không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, trừ thay đổi phương pháp tính thuế, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo thay đổi do người đại diện theo pháp luật ký đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

2. Sau khi tiếp nhận thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, nhập dữ liệu vào hệ thống và truyền thông tin sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

### Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ đặt chi nhánh, văn phòng đại diện dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục về thuế với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Khi thay đổi các nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.

Khi nhận được Thông báo của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong hệ thống và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Trường hợp chuyển địa chỉ nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã đăng ký, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến.

Khi nhận được Thông báo của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển đến trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

### Đăng ký thay đăng ký thay nhận đănđhng ký thay nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.động chi nhánh, văn phòng đại diệnệnổi nội dung ịa

1. Trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Mục này và các giấy tờ sau đây:

a) Nghị quyết về việc tách công ty theo quy định tại Điều 91 Luật Hợp tác xã (sửa đổi);

b) Bản sao biên bản họp của Đại hội thành viên về việc tách công ty.

2. Trường hợp sáp nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập phải có các giấy tờ tương ứng quy định tại Mục này và các giấy tờ sau đây:

a) Hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Điều 93 Luật Hợp tác xã (sửa đổi);

b) Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Đại hội thành viên về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập;

c) Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng sáp nhập và bản sao biên bản họp Đại hội thành viên về việc thông qua hợp đồng sáp nhập của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị sáp nhập.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

### Các trường hợp không được thực hiện đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được thực hiện việc đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký trong các trường hợp sau:

a) Đã bị Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc đã bị ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Đang trong quá trình giải thể theo quyết định giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan thi hành án hoặc Cơ quan điều tra, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tiếp tục đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong các trường hợp sau:

a) Đã có biện pháp khắc phục những vi phạm theo yêu cầu trong Thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chấp nhận;

b) Phải đăng ký thay đổi một số nội dung đăng ký để phục vụ quá trình giải thể và hoàn tất bộ hồ sơ giải thể theo quy định. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thay đổi phải kèm theo văn bản giải trình của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về lý do đăng ký thay đổi;

c) Có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của các tổ chức, cá nhân gửi yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 Điều này về việc cho phép tiếp tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

# Mục 4. ĐĂNG KÝ, THÔNG BÁO THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ QUA MẠNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

### Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử

1. Tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử hoặc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử.

2. Tài khoản đăng ký kinh doanh là tài khoản được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho cá nhân để thực hiện đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử. Cá nhân truy cập vào hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin và tạo Tài khoản đăng ký kinh doanh. Các thông tin cá nhân được kê khai trên hệ thống để cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trên giấy tờ pháp lý của cá nhân và phải tuân thủ định dạng, quy chuẩn của hệ thống.

4. Một Tài khoản đăng ký kinh doanh chỉ được cấp cho một cá nhân. Cá nhân được cấp Tài khoản đăng ký kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký để được cấp và việc sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tìm hiểu thông tin, thực hiện đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử.

### Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử

1. Hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử bao gồm các dữ liệu theo quy định của Nghị định này và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử có thể định dạng “.doc” hoặc “.docx” hoặc “.pdf”.

3. Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử hợp lệ khi có đầy đủ các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy. Người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo các định dạng quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên hệ thống phải đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ bằng bản giấy; có thông tin về số điện thoại, email của người nộp hồ sơ;

c) Hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số hoặc Tài khoản đăng ký kinh doanh của người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký. Trường hợp ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, kèm theo hồ sơ đăng ký phải có các giấy tờ, tài liệu quy định tại Điều …Nghị định này.

4. Thời hạn để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

### Trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử sử dụng chữ ký số

1. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký xác thực hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này.

### Trình tự, thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã qua mạng thông tin điện tử sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh

1. Người nộp hồ sơ sử dụng Tài khoản đăng ký kinh doanh để kê khai thông tin, tải văn bản điện tử và ký xác thực hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử và thanh toán phí, lệ phí đăng ký theo quy trình trên hệ thống.

2. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, người nộp hồ sơ sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp đăng ký cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hồ sơ đủ điều kiện. Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo qua mạng thông tin điện tử cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

4. Quy trình đăng ký qua mạng thông tin điện tử quy định tại Điều này cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các đăng ký, thông báo quy định tại Nghị định này.

### Xử lý vi phạm, khiếu nại và giải quyết tranh chấp liên quan đến chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh

Việc xác định và xử lý các tranh chấp, khiếu nại và hành vi vi phạm liên quan đến việc quản lý, sử dụng chữ ký số, Tài khoản đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật.

# Chương IV

## TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

### Thành lập doanh nghiệp, thông báo góp vốn, mua cổ phần

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần với các pháp nhân khác có ngành nghề kinh doanh phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã khi đảm bảo điều kiện:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã tối thiểu 24 tháng;

b) Có quy mô từ hợp tác xã vừa và lớn.

c) Trường hợp thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc góp cổ phần chi phối từ 51% vốn điều lệ của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải có lãi của năm tài chính năm trước liền kề và báo cáo tài chính phải được kiểm toán của tổ chức kiểm toán độc lập.

2. Điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cần quy định rõ cách thức phân phối thu nhập có được từ doanh nghiệp được thành lập, góp vốn, mua cổ phần, trong đó nêu rõ tỷ lệ trích lập quỹ chung không chia từ nguồn thu nhập này.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi thành lập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ thông báo gồm có:

a) Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Sau khi nhận hồ sơ thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cập nhật thông tin về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống.

### Hoạt động cho vay nội bộ trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

***(******Ngân hàng nhà nước Việt Nam dự thảo, bổ sung quy định chi tiết về điều kiện thực hiện hoạt động cho vay nội bộ, mức cho vay, giới hạn cho vay, lãi suất, xử lý rủi ro từ hoạt động cho vay nội bộ)***

# Chương V

# TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ

### Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt trụ sở chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh không được quá một năm. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh vẫn tiếp tục tạm ngừng kinh doanh thì phải thông báo tiếp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp và nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh.

3. Sau khi nhận hồ sơ đăng ký, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh, Giấy xác nhận về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

### Tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài nhưng không đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra Thông báo yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 6 Điều 23 Nghị định này thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn báo cáo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để giải trình. Sau thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông bao mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh hoặc chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong biện pháp tư pháp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin và công bố trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

### Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (giải thể tự nguyện)

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 96 Luật Hợp tác xã (sửa đổi), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải đăng tải các giấy tờ này đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống, chuyển tình trạng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho Cơ quan thuế, hướng dẫn hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ đăng ký giải thể bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật ký;

b) Báo cáo thanh lý tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Trước khi nộp hồ sơ đăng ký giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

5. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký giải thể cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải th, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra Thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

6. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được thông báo kèm theo nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và ý ý kiến phản đối bằng văn bản của bên có liên quan, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

7. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kèm theo nghị quyết giải thể và Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chưa chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể, nếu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không tiếp tục thực hiện giải thể, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải đăng tải thông báo và nghị quyết về việc hủy bỏ nghị quyết giải thể Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện trên hệ thống, khôi phục tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên hệ thống và gửi thông tin huỷ bỏ nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho Cơ quan thuế.

8. Đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng con dấu do cơ quan công an cấp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có trách nhiệm trả con dấu, Giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu cho cơ quan công an theo quy định.

### Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị giải thể bắt buộc

1. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện đăng tải quyết định này đồng thời thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống, chuyển tình trạng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể cho cơ quan thuế.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký giải thể thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều 66 Nghị định này.

3. Sau thời hạn 180 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo tình trạng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện không nhận được phản đối của bên có liên quan bằng văn bản, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống sang tình trạng đã giải thể, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nêu trên.

### Chấm dứt tồn tại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được chia, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập đặt trụ sở chính thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các công ty này trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện việc chấm dứt tồn tại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập trước khi chấm dứt tồn tại của các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãtư cách pháp nhân này trong trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi đặt trụ sở chính của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được chia, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập, cơ quan đăng ký kinh doanh nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được chia, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận sáp nhập gửi thông tin cho cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập để thực hiện chấm dứt tồn tại đối với các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã này trong hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy trình trên hệ thống.

###  Xử lý quỹ chung không chia và tài sản chung không chia khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể

1. Quỹ chung không chia được bàn giao cho chính quyền địa phương theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 71 của Luật Hợp tác xã (sửa đổi), quản lý, sử dụng để hỗ trợ cho các tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãtrên địa bàn trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội thành viên thông qua Nghị quyết về giải thể.
2. Đối với tài sản chung không chia không phải là tài sản gắn liền với đất, xây dựng trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc của thành viên, thì được bàn giao cho chính quyền địa phương theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 64 của LuậtHợp tác xã (sửa đổi)trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Đại hội thành viên thông qua Nghị quyết về giải thể để bàn giao cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xãtại địa phương.
3. Trường hợp sau 120 ngày kể từ ngày nhận bàn giao tài sản chung không chia của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị giải thể, chính quyền địa phương không giao được cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thì được thực hiện thanh lý tài sản này theo quy định pháp luật về thanh lý tài sản công chuyển vào ngân sách nhà nước hoặc bàn giao cho tổ chức đại diện của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương theo quy định.

.

### Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã làm lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký, thông báo thay đổi sau đó trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 101 Luật Hợp tác xã (sửa đổi), Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở quyết định của Tòa án trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được quyết định của Tòa án.

4. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Sau khi nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục giải thể theo quy định, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

### Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với mô hình quản trị rút gọn) về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong hệ thống sang tình trạng chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ở nước ngoài đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong hệ thống trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.

### Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện và Cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án, đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập mới chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã anh nghiệp và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

Trường hợp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và ra quyết định hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện được thực hiện trên cơ sở các thông tin giả mạo và khôi phục lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất trước đó, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động 01 năm mà không thông báo, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến trụ sở của Phòng để giải trình. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ban hành ngay quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

4. Trường hợp Tòa án quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

# Chương VI

# TỔ HỢP TÁC

# Mục 1. THÀNH VIÊN TỔ HỢP TÁC

### Quyền của thành viên tổ hợp tác

1. Hưởng thu nhập thu được từ hoạt động của tổ hợp tác theo phần vốn góp vào hoạt động của tổ hợp tác, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác có quy định khác;

2. Tham gia quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện hợp đồng hợp tác, quản lý, giám sát hoạt động của tổ hợp tác;

3. Rút khỏi tổ hợp tác khi đáp ứng điều kiện quy định tại hợp đồng hợp tác hoặc có lý do chính đáng và được sự đồng ý của hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác;

4. Trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên, cá nhân, pháp nhân có quyền yêu cầu nhận lại phần vốn góp mà mình đã góp vào tổ hợp tác, và được chia phần tài sản trong khối tài sản chung theo quy định tại hợp đồng hợp tác và Luật này;

5. Quyền khác theo quy định trong hợp đồng hợp tác và pháp luật.

### Nghĩa vụ của thành viên tổ hợp tác

1. Thực hiện các quy định trong hợp đồng hợp tác theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và bảo đảm lợi ích chung của tổ hợp tác;

2. Góp đủ và đúng thời hạn tài sản hoặc sức lao động đã cam kết tại hợp đồng hợp tác;

3. Bồi thường thiệt hại cho các thành viên khác và cho bên thứ ba do lỗi của mình gây ra;

4. Liên đới chịu trách nhiệm dân sự đối với các hoạt động được thực hiện dưới danh nghĩa tổ hợp tác tương ứng với tỷ lệ phần đóng góp của thành viên vào tổ hợp tác theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác hoặc pháp luật có liên quan.

5. Nghĩa vụ khác theo quy định trong hợp đồng hợp tác và pháp luật.

### Chấm dứt tư cách thành viên tổ hợp tác

1. Tư cách thành viên tổ hợp tác bị chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Tổ hợp tác chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 14 Luật này;

b) Thành viên tổ hợp tác là cá nhân chết; bị tòa án tuyên bố là đã chết; trừ trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 27 Luật này;

c) Thành viên tổ hợp tác là pháp nhân chấm dứt tồn tại; trừ trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 27 Luật này;

d) Thành viên tổ hợp tác tự nguyện rút khỏi tổ hợp tác theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Luật này;

đ) Thành viên tổ hợp tác vi phạm hợp đồng hợp tác, hoặc không thực hiện đúng các nghĩa vụ quy định trong hợp đồng hợp tác hoặc vi phạm nghiêm trọng nội quy của tổ hợp tác, và bị ít nhất 1 thành viên tổ hợp tác đề nghị chấm dứt tư cách thành viên;

e) Trường hợp khác theo quy định của hợp đồng hợp tác và pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục chấm dứt tư cách thành viên:

* 1. Tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) tổng hợp và đề xuất danh sách các thành viên tổ hợp tác bị chấm dứt tư cách thành viên tại cuộc họp thành viên gần nhất để các thành viên tổ hợp tác xem xét, quyết định.
	2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều này, tư cách thành viên sẽ bị chấm dứt nếu có ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác tán thành và được ghi vào biên bản cuộc họp, ghi rõ tỷ lệ % tổng số thành viên tán thành.
	3. Tổ trưởng tổ hợp tác (hoặc người được các thành viên tổ hợp tác ủy quyền) thay mặt tổ thông báo cho toàn thể thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt tư cách thành viên, gạch tên thành viên ra khỏi tổ hợp tác trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức cuộc họp thành viên tổ hợp tác.
	4. Việc chấm dứt tư cách thành viên không làm chấm dứt quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân này được xác lập, thực hiện trước thời điểm chấm dứt tư cách thành viên.
	5. Cá nhân, pháp nhân bị chấm dứt tư cách thành viên có quyền yêu cầu nhận lại phần vốn góp mà mình đã góp vào tổ hợp tác sau khi thanh toán các nghĩa vụ theo thoả thuận. Phần chia tài sản sẽ tương ứng với tỷ lệ phần đóng góp trên giá trị tài sản chung của thành viên tổ hợp tác tại thời điểm nhận lại phần đóng góp, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

# Mục 2. THÀNH LẬP VÀ CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG TỔ HỢP TÁC

### Tên, biểu tượng của tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác có tên gọi, biểu tượng riêng. Tên tổ hợp tác bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Cụm từ “Tổ hợp tác”;

b) Tên riêng của tổ hợp tác.

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, có thể kèm theo chữ số, ký hiệu.

2. Không được sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc để đặt tên riêng cho tổ hợp tác.

3. Không được sử dụng các cụm từ gây nhầm lẫn với các loại hình tổ chức khác theo quy định của pháp luật Việt Nam để đặt tên tổ hợp tác.

4. Tên riêng, biểu tượng của tổ hợp tác không được trùng với tên riêng, biểu tượng của tổ hợp tác đã thông báo trong phạm vi cấp huyện.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác, người đại diện của tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác tại Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác dự định thành lập và hoạt động. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập tổ hợp tác;

b) Hợp đồng hợp tác;

c) Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên tổ hợp tác cho một thành viên làm người đại diện của tổ hợp tác;

d) Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đại diện của tổ hợp tác.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).

3. Nếu quá thời hạn trên mà không được cập nhật thông tin về tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc không nhận được thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thông báo thành lập tổ hợp tác thì tổ hợp tác có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Định kỳ vào tuần làm việc đầu tiên hàng tháng, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện gửi danh sách tổ hợp tác đã thông báo thành lập tháng trước cho Cơ quan thuế cùng cấp, Phòng Đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý chuyên ngành cấp tỉnh.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác

1. Trường hợp tổ hợp tác thay đổi các thông tin về tên, ngành, nghề kinh doanh, giá trị phần vốn góp, người đại diện, số lượng thành viên thì người đại diện của tổ hợp tác có trách nhiệm thông báo thay đổi tổ hợp tác với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác hoạt động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

c) Bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện của tổ hợp tác mới trong trường hợp thay đổi người đại diện của tổ hợp tác.

2. Trường hợp tổ hợp tác chuyển địa chỉ hoạt động sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi tổ hợp tác đã thông báo, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt địa chỉ hoạt động mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

a) Thông báo thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;

b) Bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc thay đổi địa chỉ hoạt động của tổ hợp tác.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin thay đổi nội dung thông báo tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cập nhật thông tin thay đổi nội dung thông báo tổ hợp tác trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh trong trường hợp tổ hợp tác thông báo thay đổi địa chỉ hoạt động, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây tổ hợp tác đã thông báo.

### Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hoạt động tổ hợp tác

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi tổ hợp tác hoạt động, kèm theo thông báo phải có bản sao biên bản họp thành viên tổ hợp tác về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác có chữ ký của các thành viên tổ hợp tác.

2. Tổ hợp tác có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính chưa thực hiện trước khi nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, trừ trường hợp tổ hợp tác và chủ nợ có thỏa thuận khác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác cho tổ hợp tác.

# Mục 3. TỔ CHỨC VÀ ĐIỀU HÀNH TỔ HỢP TÁC

### Đại diện trong xác lập, thực hiện giao dịch

1. Đại diện của tổ hợp tác trong các giao dịch dân sự là thành viên tổ hợp tác, được toàn bộ các thành viên tổ hợp tác đồng ý ủy quyền xác lập và thực hiện giao dịch dân sự.

2. Nội dung và phạm vi ủy quyền của người đại diện tổ hợp tác phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người được ủy quyền và toàn bộ các thành viên tổ hợp tác.

3. Trong trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có trách nhiệm thông báo với các bên liên quan về người đại diện của tổ hợp tác. Trường hợp người đại diện của tổ hợp tác ký xác lập, thực hiện các giao dịch dân sự vượt quá phạm vi, nội dung ủy quyền thì phải chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân.

4. Người đại diện của tổ hợp tác có thể đồng thời là tổ trưởng tổ hợp tác.

### Tổ trưởng tổ hợp tác

1. Tổ trưởng tổ hợp tác được bầu trong số các thành viên tổ hợp tác, tại cuộc họp thành viên tổ hợp tác khi được ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên tán thành, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

2. Tổ trưởng tổ hợp tác tổ chức, điều hành hoạt động của tổ hợp tác theo phạm vi, nhiệm vụ được quy định trong hợp đồng hợp tác.

3. Tổ trưởng tổ hợp tác phải đáp ứng các điều kiện ghi trong hợp đồng hợp tác, không trái với các quy định pháp luật.

### Ban điều hành tổ hợp tác

1. Trong trường hợp cần thiết, tổ hợp tác có thể bầu ban điều hành bao gồm tổ trưởng, tổ phó và các ủy viên để giúp tổ trưởng tổ hợp tác điều hành hoạt động của tổ. Số lượng thành viên ban điều hành là số lẻ, do tổ hợp tác tự quy định.

2. Thành viên ban điều hành được bầu từ các thành viên tổ hợp tác, tại cuộc họp thành viên tổ hợp tác, được hơn một nửa tổng số thành viên tán thành.

3. Ban điều hành chịu trách nhiệm thực hiện một số nhiệm vụ quản lý, điều hành tổ hợp tác theo sự phân công của tổ trưởng tổ hợp tác và phải được ghi trong hợp đồng hợp tác.

### Cuộc họp thành viên tổ hợp tác

* 1. Cuộc họp thành viên tổ hợp tác là cơ chế quyết định cao nhất của tổ hợp tác. Tổ hợp tác tự quyết định số lần họp tổ hợp tác nhưng ít nhất phải tiến hành cuộc họp một năm một lần.

2. Cuộc họp thành viên tổ hợp tác quyết định các vấn đề sau đây:

1. Thông qua kết quả hoạt động của tổ hợp tác;
2. Phương án phân phối thu nhập, xử lý lỗ và các vấn đề tài chính của tổ hợp tác;
3. Phương án hoạt động trong thời gian tới;
4. Xử lý tài sản chung của thành viên tổ hợp tác;

đ) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm tổ trưởng, ban điều hành (nếu cần thiết);

e) Chấm dứt tư cách thành viên theo quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều 11 Luật này;

g) Sửa đổi, bổ sung hợp đồng hợp tác;

h) Mức thù lao, tiền thưởng của tổ trưởng, thành viên ban điều hành (nếu có);

i) Nội dung khác do tổ trưởng, ban điều hành hoặc ít nhất một phần ba tổng số thành viên tổ hợp tác đề nghị;

k) Trường hợp khác theo quy định tại hợp đồng hợp tác.

### Trình tự triệu tập cuộc họp thành viên tổ hợp tác

1. Tổ trưởng tổ hợp tác thay mặt tổ hợp tác triệu tập cuộc họp thành viên. Trong trường hợp cần thiết, đại diện của ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên tổ hợp tác có thể yêu cầu tổ trưởng tổ hợp tác triệu tập cuộc họp thành viên.

* 1. Cuộc họp thành viên tổ hợp tác được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tổ hợp tác tham dự, trường hợp không đủ số thành viên tham dự thì phải hoãn họp tổ hợp tác và triệu tập họp tổ hợp tác lần thứ hai trong vòng 15 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp tổ hợp tác lần thứ nhất. Cuộc họp tổ hợp tác lần thứ hai phải có sự tham gia của tối thiểu hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác.

3. Biên bản cuộc họp thành viên tổ hợp tác về các vấn đề trên phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của tổ trưởng tổ hợp tác và đại diện các thành viên tham gia cuộc họp, ghi cụ thể tỷ lệ % số thành viên đồng ý.

4.Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức họp, tổ trưởng tổ hợp tác thông báo tới toàn thể thành viên tổ hợp tác nội dung cuộc họp thành viên tổ hợp tác.

### Xử lý tài sản chung của tổ hợp tác

1. Việc định đoạt tài sản của tổ hợp tác là quyền sử dụng đất, nhà, xưởng sản xuất, tư liệu sản xuất chính khác; hoặc tài sản có giá trị lớn hơn một nửa tổng số giá trị tài sản của tổ hợp tác; hoặc sửa đổi, bổ sung hợp đồng hợp tác phải được sự tán thành và thỏa thuận bằng văn bản của tất cả các thành viên tổ hợp tác.
2. Các nội dung khác không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được thông qua khi có ít nhất hơn một nửa tổng số thành viên tổ hợp tác tán thành trừ trường hợp hợp đồng hợp tác quy định khác.

### Tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác, tài chính của tổ hợp tác

1. Tài sản do các thành viên tổ hợp tác cùng đóng góp, tạo lập và tài sản khác theo quy định của pháp luật là tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác.

2. Tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác hình thành từ các nguồn:

a) Tài sản đóng góp của thành viên tổ hợp tác bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản;

b) Phần được trích từ thu nhập sau thuế;

c) Các tài sản cùng tạo lập và được tặng, cho chung;

d) Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

3. Đối với các tài sản của tổ hợp tác được hình thành từ các nguồn hỗ trợ, ưu đãi của nhà nước; các khoản được tặng, cho chung theo yêu cầu từ phía nhà tài trợ; hoặc các tài sản khác theo thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác, tổ hợp tác có quyền hưởng dụng, không có quyền định đoạt. Trong trường hợp tổ hợp tác chấm dứt hoạt động, tổ hợp tác bàn giao phần tài sản này cho ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ hợp tác hoạt động.

4. Tổ hợp tác thực hiện các quy định về tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật.

### Phân chia hoa lợi, lợi tức, xử lý lỗ

1. Căn cứ vào thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác tổ trưởng tổ hợp tác lập phương án phân chia thu nhập, xử lý lỗ của tổ hợp tác và báo cáo thành viên tại cuộc họp toàn thể thành viên.

2. Việc phân chia thu nhập và các phương án tài chính khác của tổ hợp tác được tiến hành sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có).

3. Hợp đồng hợp tác quy định cụ thể việc xử lý trong trường hợp tổ hợp tác bị lỗ hoặc gặp rủi ro khác.

### Phần vốn góp của thành viên tổ hợp tác

1. Các thành viên tổ hợp tác có thể đóng góp bằng tài sản hoặc sức lao động vào tổ hợp tác tùy theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác. Giá trị tài sản đóng góp, giá trị sức lao động của thành viên tổ hợp tác được quy đổi ra tiền đồng Việt Nam và được chia theo phần.

2. Trường hợp có thành viên tổ hợp tác cam kết đóng góp không góp đủ và không đúng hạn phần vốn góp đã cam kết thì số tiền, tài sản chưa góp đủ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với tổ hợp tác và phải có trách nhiệm trả lãi đối với phần tiền chậm trả và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt cho tổ hợp tác nếu gây thiệt hại cho tổ hợp tác.

3. Việc xác định giá trị tài sản hoặc sức lao động của thành viên tổ hợp tác góp vào tổ hợp tác do các thành viên tổ hợp tác tự thỏa thuận và thống nhất. Trường hợp các thành viên không tự thỏa thuận được thì thực hiện việc định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

### Xác minh phần vốn góp

1. Tổ hợp tác lập sổ ghi chép rõ ràng, minh bạch về việc đóng góp của thành viên tổ hợp tác, bao gồm các nội dung sau:

a) Tên, số định danh cá nhân (hoặc số chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân) của thành viên đóng góp hoặc tên, mã số pháp nhân, địa chỉ trụ sở chính của pháp nhân và tên, số định danh cá nhân (hoặc số chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân) của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân đóng góp;

b) Giá trị phần vốn góp và loại tài sản đóng góp của thành viên tổ hợp tác;

c) Thời điểm đóng góp;

d) Chữ ký của người đóng góp hoặc đại diện theo pháp luật của pháp nhân;

đ) Chữ ký của tổ trưởng tổ hợp tác và thành viên tổ hợp tác được phân công nhiệm vụ tiếp nhận phần vốn góp.

2. Sổ ghi chép về việc đóng góp của thành viên tổ hợp tác phải được tổ hợp tác lưu giữ.

3. Thành viên tổ hợp tác được cấp “Giấy xác nhận phần vốn góp” với đầy đủ thông tin như trong sổ ghi chép của tổ hợp tác tại thời điểm đóng góp để lưu giữ.

### Trả lại phần vốn góp

1. Tổ hợp tác trả lại tài sản theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp cho thành viên tổ hợp tác trong các trường hợp sau:

a) Trường hợp tổ hợp tác chấm dứt hoạt động:

Sau khi đã thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính mà tài sản chung của các thành viên tổ hợp tác vẫn còn thì tài sản còn lại được chia cho các thành viên tổ hợp tác theo tỷ lệ tương ứng với phần đóng góp vào tổ của mỗi thành viên, trừ trường hợp hợp đồng hợp tác có quy định khác.

b) Trường hợp thành viên bị chấm dứt tư cách thành viên theo Điều 11 Luật này có yêu cầu trả lại phần vốn góp:

Tổ hợp tác chỉ trả lại phần vốn góp khi thành viên này hoàn thành các nghĩa vụ đối với tổ hợp tác được xác lập, thực hiện trước thời điểm chấm dứt tư cách thành viên, trừ trường hợp tất cả thành viên tổ hợp tác có thỏa thuận khác và được quy định trong hợp đồng hợp tác.

2. Việc trả lại phần vốn góp cho thành viên tổ hợp tác quy định tại khoản này không được làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của tổ hợp tác đối với các bên liên quan hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các thành viên tổ hợp tác được xác lập, thực hiện trước thời điểm chấm dứt tư cách thành viên.

3. Trường hợp việc trả lại phần vốn góp của thành viên tổ hợp tác là tài sản ảnh hưởng đến hoạt động của tổ hợp tác thì phần vốn góp được tính bằng giá trị thành tiền để trả lại cho thành viên tổ hợp tác theo khoản 3 Điều 24 Luật này.

### Thừa kế, kế thừa, quản lý phần vốn góp

1. Trường hợp thành viên tổ hợp tác là cá nhân chết:

a) Nếu người thừa kế tham gia tổ hợp tác và được đa số các thành viên tổ hợp tác chấp nhận theo quy định tại Điều 10 Luật này thì được tiếp tục thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng hợp tác và pháp luật có liên quan;

b) Nếu người thừa kế không tham gia tổ hợp tác hoặc không đủ điều kiện tham gia tổ hợp tác thì có quyền yêu cầu trả lại phần vốn góp và được phân chia tài sản theo quy định tại Điều 26 Luật này và quy định của pháp luật về thừa kế;

c) Nếu người thừa kế tự nguyện để lại tài sản thừa kế cho tổ hợp tác thì phần vốn góp đó được đưa vào tài sản chung của tổ hợp tác;

d) Nếu không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp thành viên tổ hợp tác là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích, việc xử lý phần đóng góp và quản lý tài sản của người mất tích phải tuân theo quy định tại Bộ luật dân sự.

3. Trường hợp thành viên tổ hợp tác là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì xử lý phần vốn góp thông qua người đại diện pháp luật của người này theo quy định của Điều 26 Luật này, luật khác có liên quan hoặc theo quyết định của Tòa án.

4. Trường hợp thành viên tổ hợp tác là pháp nhân bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thì việc kế thừa phần vốn góp được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### Giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các thành viên tổ hợp tác trong phạm vi của hợp đồng hợp tác được ưu tiên tiến hành giải quyết tranh chấp nội bộ tại tổ hợp tác; trường hợp các thành viên tổ hợp tác không tự thương lượng được thì tiến hành hòa giải thông qua trung gian hòa giải, tài phán trọng tài, v.v. theo sự lựa chọn của các bên hoặc theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên tranh chấp không tiến hành hòa giải được thì tiến hành khởi kiện ra toà án theo thủ tục tố tụng dân sự.

2. Tranh chấp giữa tổ hợp tác với các cá nhân, tổ chức khác thì tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

# Chương VII

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …

2. Các Nghị định số 193/2013/NĐ-CP và Nghị định số 107/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2012 chấm dứt hiệu lực thi hành kể từ ngày ….

3. Nghị định số 77/2019/NĐ-CP về Tổ hợp tác hết hiệu lực kể từ ngày …...

4. Những quy định về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ban hành trái với quy định tại Nghị định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán Nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, KTN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG*(Đã ký)*Phạm Minh Chính** |